TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/DS-ST
Ngày: 28 - 8 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cầm Ngọc Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Tổ.

2. Ông Nguyễn Đức Việt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Yến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Sơn La tham gia phiên toà*:* Ông Nguyễn Đình Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2025 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng VB, địa chỉ trụ sở: Tầng A , Tòa nhà S, phường B, Quận C, TP Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Đình H – Giám đốc THN TT và XLN Vùng theo ủy quyền số 232665.24 ngày 23/10/2024 của Giám đốc Khối mạng lưới kinh doanh NHBL.

Người được ông Hoàng Đình H ủy quyền lại: Bà Trần Thùy P, ông Hoàng Tuấn K theo văn bản ủy quyền số 139729.25 ngày 07/5/2025. Địa chỉ: Tầng B,

Tòa nhà C, T, quận Đ, Hà Nội. Ông K có mặt;

- Bị đơn:

+ Ông Vũ Ngọc D, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc cũ (nay là Thôn Q, xã V, tỉnh Phú Thọ). Vắng mặt;

+ Bà Tòng Thị T, sinh năm 1991, địa chỉ: Bản X, xã C, huyện M cũ (nay là bản X, xã M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 10/02/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng VB trình bày như sau:

Ngày 25/8/2023, Ngân hàng VB ký với ông Vũ Ngọc D, bà Tòng Thị Hợp đồng tín dụng số 103075935.23 có nội dung thỏa thuận:

- Số tiền giải ngân: 341.000.000VNĐ;

- Mục đích giải ngân: Thanh toán mua xe ô tô;

- Thời hạn vay: 72 tháng kể từ ngày 26/8/2023 đến ngày 25/8/2029;

- Lãi suất tại thời điểm giải ngân 11,5%/năm chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở công biên độ 4,3%/năm.

- Hoàn trả vay gốc vào ngày 20 hàng tháng. Từ ngày 20/9/2023 đến ngày 20/7/2029 là 4.737.000VNĐ. Từ ngày 20/8/2029 đến ngày 24/8/2029 là 4.673.000 VNĐ, dư nợ gốc còn lại trả hết vào cuối kỳ.

- Hoàn trả lãi vào ngày 20 hàng tháng theo dư nợ thực tế;

- Trả phí theo quy định của VIB từng thời kỳ;

- Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn;

Ngân hàng VB đã giải ngân cho ông Vũ Ngọc D, bà Tòng Thị T theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 103128400.23 ngày 25/8/2023 với số tiền 341.000.000VNĐ.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông D, bà T đã thế chấp cho Ngân hàng VB 01 xe ô tô KIA, số loại FRONTIER, BKS 26C-132.63. Phương tiện đã được cấp chứng nhận đăng ký xe ô tô số 26 000968 ngày 23/8/2023 của Phòng cảnh sát công an tỉnh Sơn La. Theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0008672.23 ngày 25/8/2023.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông D, bà T đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, khoản vay quá hạn thanh toán từ ngày 28/8/2024, xếp loại nợ nhóm 04 là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tạm tính đến ngày 28/8/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) thì ông D, bà T còn dư nợ lại đối với Ngân hàng VB số tiền là 346.980.104 VNĐ trong đó nợ gốc là 288.893.000 VNĐ, nợ lãi trong hạn là 29.986.949 VNĐ, nợ lãi quá hạn là 28.100.155 VNĐ. Ngân hàng VB khởi kiện yêu cầu ông D, bà T phải trả toàn bộ số tiền nợ này cho Ngân hàng. Trường hợp ông D, bà T không trả hoặc không trả đủ số tiền còn nợ có Ngân hàng VB thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản ông D, bà T đã thế chấp là chiếc xe ô tô KIA.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn – bà Tòng Thị T trình bày như sau:

Bà và ông Vũ Ngọc D (chồng) có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng VB vào ngày 25/8/2023 với số tiền vay là 341.000.000VNĐ, mục đích là để mua xe tải. Để đảm bảo cho khoản vay này ông bà đã thế chấp cho Ngân hàng chiếc xe tải nhãn hiệu KIA, số loại FRONTIER K250L, biển số 26C-132.63. Ông bà đã được Ngân hàng giải ngân cho số tiền đủ số tiền và nhận xe về sử dụng, định kỳ trả gốc, lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận giữa các bên. Tuy nhiên, sau khi mua xe thì khoảng 2, 3 tháng sau, bà và ông D sống ly thân, ông D chuyển về sống ở quê tại Vĩnh Phúc. Bà tạm trú tại bản X, xã C, M, Sơn La sử dụng xe tô tải BKS 26C-132.63 và là người trả tiền vay hàng tháng cho Ngân hàng thông qua tài khoản đứng tên ông Vũ Ngọc D được mở tại Ngân hàng VB. Do trong thời gian ly thân, ông D chặn không liên hệ với bà còn nói là sẽ lên lấy xe ô tô về sử dụng nên vợ chồng có mâu thuẫn dẫn đến việc trả nợ của Ngân hàng bị gián đoạn. Bà xác nhận đúng là ông bà còn nợ lại Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi như Ngân hàng khởi kiện chưa trả được. Bà xác nhận có trách nhiệm trả tiền nợ cho Ngân hàng, do không liên hệ được với ông D nên bà cũng mong Ngân hàng xem xét để buộc ông D cùng có trách nhiệm trả nợ chung với bà. Ông D hiện đang cư trú tại nơi có đăng ký HKTT: Thôn Q, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Bà mong muốn Ngân hàng tạo điều kiện về lộ trình trả nợ để trả tiền vay cho Ngân hàng. Trong trường hợp không trả được tiền vay thì bà cũng nhất trí để Ngân hàng xử lý tài sản ông bà đã thế chấp cho Ngân hàng là chiếc xe ô tô tải BKS 26C-132.63.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà cho ông Vũ Ngọc D nhưng ông D không có mặt và không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Do các bên không thỏa thuận về việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo hướng:

Áp dụng:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ các Điều 117, 280, 320, 323, 357, 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Buộc ông Vũ Ngọc D, bà Tòng Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam tổng số tiền còn nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 103075935.23 ngày 25/8/2023 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (28/8/2025) là 346.980.104 VNĐ trong đó nợ gốc là. 288.893.000 VNĐ, nợ lãi trong hạn là 29.986.949 VNĐ, nợ lãi quá hạn là 28.100.155 VNĐ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/8/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 103075935.23 ngày 25/8/2023.

Trong trường hợp ông D, bà T không trả được tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh trên, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam được quyền đề nghị Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi toàn bộ nợ theo Theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0008672.23 ngày 25/8/2023 với tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại FRONTIER, BKS: 26C-132.63; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 26 132.63 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sơn La cấp.

Về án phí: Ông D, bà T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng VB và ông Vũ Ngọc D (có địa chỉ Thôn Q, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc cũ (nay là Thôn Q, xã V, tỉnh Phú Thọ), bà Tòng Thị T, có địa chỉ cư trú tại bản X, xã C, huyện M cũ (nay là bản X, xã C), tỉnh Sơn La. Do bà T là người đang quản lý,

sử dụng tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Ông D, bà T không có ý kiến gì về thẩm quyền của Toà án giải quyết.

Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp theo quy định tại quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Sơn La theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều Bộ luật tố tụng dân sự.

Về luật áp dụng: Ngân hàng VB và ông Vũ Ngọc D, bà Tòng Thị T giao kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp vào năm 2023. Vì vậy vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng này sẽ áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan để giải quyết.

Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án, bà T có mặt làm việc và có ý kiến về việc giải quyết vụ án tại biên bản hoà giải ngày 08/05/2025, vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc khác. Ông D không có ý kiến về việc giải quyết vụ án. Toà án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông D, không có mặt tại phiên toà. Xét bị đơn ông D, bà T đã được Toà án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Vũ Ngọc D, bà Tòng Thị T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét cầu khởi kiện đối với khoản nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng VB và ông Vũ Ngọc D, bà Tòng Thị T:

Phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Vũ Ngọc D, bà Tòng Thị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ phát sinh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 103075935.23 ngày 25/8/2023 được ký kết giữa Ngân hàng VB và ông D, bà T. Theo nội dung của hợp đồng thì Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam đã giải ngân cho ông D, bà T số tiền 341.000.000VNĐ. Bà T thừa nhận đã nhận đủ số tiền được giải ngân theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 25/8/2023. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã thanh toán được cho VB số tiền là 85.377.470 VNĐ, trong đó tiền gốc là 52.107.000 VNĐ, tiền lãi là 33.122.905 VNĐ và để phát sinh lãi quá hạn từ ngày 20/8/2024.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Ngân hàng xác nhận số dư nợ gốc của bà T, ông D tại Ngân hàng VB tính đến thời điểm xét xử (ngày 28/8/2025) là 346.980.104 VNĐ trong đó nợ gốc là. 288.893.000 VNĐ, nợ lãi trong hạn là 29.986.949 VNĐ, nợ lãi quá hạn là 28.100.155 VNĐ. Bà T đã thừa

nhận trong quá trình giải quyết vụ án, ông D không có ý kiến về việc giải quyết vụ án. Xét việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa các bên có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, chủ thể tham gia ký kết đều đủ năng lực hành vi dân sự, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực, buộc các bên phải thực hiện theo các điều khoản quy định trong hợp đồng. Nên Ngân hàng yêu cầu ông D, bà T phải trả số tiền nợ gốc 288.893.000 VNĐ theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 103075935.23 ngày 25/8/2023 là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Về lãi suất: Theo quy định tại Mục 2.0 của Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ được ký kết giữa hai bên thể hiện: Lãi suất tại thời điểm giải ngân 11,5%/năm chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở công biên độ 4,3%/năm. Hoàn trả vay gốc vào ngày 20 hàng tháng. Từ ngày 20/9/2023 đến ngày 20/7/2029 là 4.737.000VNĐ. Từ ngày 20/8/2029 đến ngày 24/8/2029 là 4.673.000 VNĐ, dư nợ gốc còn lại trả hết vào cuối kỳ; Hoàn trả lãi vào ngày 20 hàng tháng theo dư nợ thực tế; Trả phí theo quy định của VIB từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Căn cứ theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì việc thỏa thuận này phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm (28/8/2025) đối với tiền gốc còn nợ lại tương ứng nợ lãi trong hạn là 29.986.949 VNĐ, nợ lãi quá hạn là 28.100.155 VNĐ.

Tại thời điểm giải quyết, ông D, bà T đã sống ly thân tại hai địa phương khác nhau từ cuối năm 2023, không có căn cứ để xác định ông D, bà T có thoả thuận liên quan đến việc xác định tài sản chung, riêng của vợ chồng. Giao dịch vay tiền của Ngân hàng do cả hai cùng ký kết nên để đảm bảo cho quyền lợi của Ngân hàng cần buộc ông D, bà T có trách nhiệm liên đới cùng trả nợ cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tức mỗi người có trách nhiệm trả ½ số tiền nợ gốc và lãi tương ứng cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ.

Căn cứ Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Ông D, bà T còn phải tiếp tục trả tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng được ký giữa các bên, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

[2.2] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm thế chấp:

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ các khoản vay, tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng năm 2023, ông D, bà T thế chấp 01 xe ô tô để bảo đảm cho khoản vay trên theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0008672.23 ngày 25/8/2023 với tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu KIA, BKS 26C-132.63 được ký giữa Ngân hàng và ông D, bà T.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T xác định bà là người quản lý, sử dụng chiếc xe ô tô thế chấp cho Ngân hàng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0008672.23 ngày 25/8/2023 với tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu KIA, BKS 26C-132.63 được ký giữa Ngân hàng và bà T, ông D là hợp pháp về mặt hình thức, được lập thành văn bản có công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Nội dung không vi phạm pháp luật và trái đạo đức xã hội nên quyền lợi của Ngân hàng VB được pháp luật bảo vệ. Trường hợp ông D, bà T không có khả năng thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng VB, ông D, bà T phải có nghĩa vụ bàn giao toàn bộ tài sản thế chấp cho Ngân hàng.

Căn cứ các điều khoản trong hợp đồng thế chấp và căn cứ Điều 323 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông D, bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đúng hạn cho Ngân hàng, Ngân hàng VB có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm và các tài sản gắn liền với tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ nợ. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả khoản nợ vay của ông D, bà T thì ông D, bà T tiếp tục có nghĩa vụ trả nốt phần còn thiếu cho Ngân hàng VB. Trường hợp ông D, bà T đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng VB phải có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 26 132.63 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sơn La cấp cho ông D, bà T. Trường hợp ông D, bà T có tranh chấp về tài sản thế chấp này sau khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì được quyền khởi kiện trong vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là theo quy định của pháp luật là 17.349.000VNĐ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ các 117, 280, 320, 323, 357, 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng VB: Buộc ông Vũ Ngọc D, bà Tòng Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng VB tổng số tiền còn nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 103075935.23 ngày 25/8/2023 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (28/8/2025) là 346.980.104 VNĐ trong đó nợ gốc là 288.893.000 VNĐ, nợ lãi trong hạn là 29.986.949 VNĐ, nợ lãi quá hạn là 28.100.155 VNĐ. Cụ thể: Ông D có trách nhiệm trả số tiền gốc là 144.446.500VNĐ và tiền lãi là 29.043.552 VNĐ; bà T có trách nhiệm trả số tiền gốc là 144.446.500VNĐ và tiền lãi là 29.043.552 VNĐ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/8/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 103075935.23 ngày 25/8/2023.

Trong trường hợp ông D, bà T không trả được tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh trên, Ngân hàng VB được quyền đề nghị Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi toàn bộ nợ theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0008672.23 ngày 25/8/2023 với tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại FRONTIER, BKS: 26C-132.63; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 26 132.63 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sơn La cấp. Trường hợp sau khi kê biên, phát mại tài sản thế chấp vẫn chưa đủ để thanh toán hết số nợ của ông D, bà T thì ông D, bà T vẫn có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán hết nợ cho VIB.

Trường hợp ông D, bà T đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam thì Ngân hàng phải có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 26 132.63 của Phòng cảnh sát công an tỉnh Sơn La cấp cho ông Vũ Ngọc D. Trường hợp ông D, bà T có tranh chấp về tài sản thế chấp này sau khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì được quyền khởi kiện trong vụ án khác khi có yêu cầu.

2. Về án phí:

Ngân hàng VB được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 7.815.000 VNĐ (bảy triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002411 ngày 27 tháng 02 năm 2025 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Sơn La).

Buộc ông Vũ Ngọc D, bà Tòng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.349.000VNĐ (mười bảy triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 4 - Sơn La;
- THADS tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cầm Ngọc Thương